TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 3/1/2020
V/v Kiện xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cảm

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 652/2019/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 8 năm 2019 về việc "Kiện xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐXX - ST ngày 28/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Phương Th. (có mặt)

Địa chỉ: 52/55 HTM, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị Phương Th:

Luật sư: Bùi Thị Hồng G - Đoàn luật sư TP Hà Nội (có mặt)

Địa chỉ: 26 NHC, phường TĐ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Công T. (có mặt)

Địa chỉ: 26 PĐC, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Thanh H. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 15, xã TH, huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Nguyễn Công T1. (vắng mặt)

Địa chỉ: 14 LLQ, TT ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Công H (vắng mặt)

Địa chỉ: 14 LLQ, TT ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk

2/ Ông Vũ Hồng Q (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, thị trần ES, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Nguyễn Văn Tr (vắng mặt)

Địa chỉ: Chi cục thuế huyện BĐ, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị Phương Th trình bày:

Ngày 3/6/2006 Tôi và anh Nguyễn Công T có đăng ký kết hôn với nhau tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007; Cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009. Hiện các cháu đang ở với tôi.

Về tài sản chung: Lô đất thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Căn nhà và đất tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột và bàn ghế, tủ, gường, ngoài ra không có tài sản nào khác. Nợ chung: Nợ ông Nguyễn Công T1 số tiền 100.000.000 đồng (nợ năm 2006) mục đích vay tiền mua đất tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột. Tôi xác định đây là nợ chung vợ chồng có trách nhiệm trả nợ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chúng tôi bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ với nhau trong tình cảm, không yêu thương nhau đã sống ly thân nhau, mỗi người mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau.

Nguyện vọng của tôi: Đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007 đến tuổi trưởng thành; cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009 giao cho anh Tùng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Vợ chồng có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Công T1 số nợ 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu chia tài sản là lô đất thửa A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk lý do hiện nay đã chuyển nhượng cho người khác, nên không tranh chấp.

2. Bị đơn anh Nguyễn Công T trình bày:

Ngày 3/6/2006 Tôi và cô Phạm Thị Phương Th có đăng ký kết hôn với nhau tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007; Cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009.

Về tài sản chung: Lô đất thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Hiện lô đất này tôi đã bán số tiền bán đất tôi trang trải cho việc học thạc sỹ, (bán được 130.000.000 đồng nộp học phí hết và chi phí đi lại ăn ở). Căn nhà và đất và tài sản khác tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột. Nợ chung: Nợ ông Nguyễn Công T1, số tiền 100.000.000 đồng (nợ năm 2006) mục đích vay tiền mua đất tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chúng tôi không có mâu thuẫn gì lớn, những chuyện vợ chồng chưa hiểu thông cảm cho nhau trong công việc, cuộc sống dẫn đến không có tiếng nói chung, bản thân tôi vẫn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn do đó tôi xin được đoàn tụ.

Nếu cô Th cương quyết ly hôn về con chung tôi xin được nuôi cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009, không yêu cầu cô Th trợ cấp nuôi con, về tài sản chung đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của tôi nhiều hơn so với cô Th vì trước khi mua nhà đất ở 26 Phó Đức Chính, TP Buôn Ma Thuột, tôi có bán hai lô đất ở huyện Buôn Đôn và một lô đất ở huyện Ea Súp là tài sản riêng của tôi có trước hôn nhân để mua đất và làm nhà ở.

3. Ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Năm 2006 tôi có cho vợ chồng anh Nguyễn Công T và chị Phạm Thị Phương Th số tiền 100.000.000 đồng, do là anh em ruột nên khi vay không có giấy tờ, không thế chấp tài sản, nợ này là nợ chung của hai vợ chồng. Nay vợ chồng ly hôn thì tôi không có yêu cầu gì và không khởi kiện độc lập.

4. Bà Lê Thị Thanh H trình bày

Năm 2018 tôi có nhận chuyển nhượng đất quyền sử dụng đất thửa đất 132 tờ bản đồ số 74, diện tích đất 200m^2 tại TT Buôn Đôn, huyện Buôn Đôn, giấy chứng nhận đất mang tên tôi, nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Công T, bán lại cho người khác và tôi mua lại. Nay diện tích đất này không liên quan đến vợ chồng ông T và bà Th vì nhà nước đã công nhận cho gia đình tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án cho bà Th được ly hôn với ông T.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007 cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009 giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung là căn nhà và đất các tài sản khác có giá trị 2.606.106.720 đồng, hiện nay tài sản do ông T đang quản lý, do vậy giao tài sản này cho ông T, ông T có trách nhiệm bù chênh lệch tài sản số tiền 1.303.053.360 đồng.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 227 BLTTDS; Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Phương Th**.** Bà Phạm Thị Phương Th được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007 cho bà Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009 giao cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn Công T căn nhà và đất mang số 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, thửa đất B43, tờ bản đồ độc lập, diện tích 98,1m^2 có giá trị 1.900.000.000 đồng được văn phòng đăng ký đất đai TP Buôn Ma Thuột chỉnh lý biến động ngày 24/7/2009 tên ông Nguyễn Công T và bà bà Phạm Thị Phương Th, trên đất có 01 căn nhà xây 2 tầng diện tích 167,4 m^2 có giá trị 619.112.160 đồng, 1 sân lát gạch diện tích 14,4 m^2 có giá trị 1.785.600 đồng, tường rào 10,8m có giá trị 20.208.960 đồng, 1 bộ bàn ghế cẩm lai tay 9 có giá trị 40.000.000 đồng, 1 bộ bàn ăn có giá trị 15.000.000 đồng, 1 giường có giá trị 5.000.000 đồng, 1 tủ có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng trị giá 2.606.106.720 đồng.

Ông Nguyễn Công T có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản giá trị ½ tài sản cho bà Thảo số tiền 1.303.053.360 đồng là phù hợp.

Chấp nhận bà Phạm Thị Phương Th rút yêu cầu chia tài sản là thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Về nợ chung: Tách số nợ 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Công T2 để giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Phương Th đã chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 3/6/2006 tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống bà Phạm Thị Phương Th cho biết vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Đã sống ly thân hơn một năm không ai quan tâm, chăm sóc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thảo có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Tại phiên tòa ông T xác định tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, những chuyện vợ chồng chưa hiểu thông cảm cho nhau trong công việc, cuộc sống dẫn đến không có tiếng nói chung, bản thân tôi vẫn thương yêu vợ con, không muốn ly hôn do đó tôi xin được đoàn tụ.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Phương Th có xảy ra mâu thuẫn đã sống ly thân, không còn thương yêu nhau, nay bà Th xin ly hôn ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Phương Th không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của bà Phạm Thị Phương Th xin ly hôn ông Nguyễn Công T là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Phương Th có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007; cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Phương A đang được bà Phạm Thị Phương Th chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Công T2 đang được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự thỏa thuận tại phiên Tòa giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007 cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ông T và bà Th được quyền đi lại thăm nom con chung, quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự xác định tài sản chung của vợ chồng bao gồm lô đất thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 200.000.000 đồng và thửa đất B43, tờ bản đồ độc lập, diện tích 98,1m^2 trên đất có căn nhà và tài sản khác tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột có trị giá 2.606.106.720 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.806.106.720 đồng. Hiện nay thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại

xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk ông Nguyễn Công T đã chuyển nhượng hiện nay bà Lê Thị Thanh H đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa bà Th rút yêu cầu khởi kiện chia thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk do đó cần chấp nhận.

Đối căn nhà, đất và tài sản khác tại 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột có trị giá 2.606.106.720 đồng hiện nay ông T đang quản lý, xét về công sức đóng góp tài sản này là của ông T nhiều hơn so với bà Th, qua xác minh và thu thập chứng cứ có căn cứ cho rằng ông T đã bán phần tài sản của mình trước hôn nhân để mua đất và làm nhà, tại phiên tòa bà Th cũng thừa nhận do vậy cần chia cho ông T nhiều hơn so với bà Th (ông T 3 phần, bà Th 2 phần) là phù hợp. Do vậy giao cho ông T nhà và đất mang số 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, thửa đất B43, tờ bản đồ độc lập, diện tích 98,1m^2 có giá trị 1.900.000.000 đồng được văn phòng đăng ký đất đai TP Buôn Ma Thuột chỉnh lý biến động ngày 24/7/2009 tên ông Nguyễn Công T và bà bà Phạm Thị Phương Th, trên đất có 01 căn nhà xây 2 tầng diện tích 167,4 m^2 có giá trị 619.112.160 đồng, 1 sân lát gạch diện tích 14,4 m^2 có giá trị 1.785.600 đồng, tường rào 10,8m có giá trị 20.208.960 đồng, 1 bộ bàn ghế cẩm lai tay 9 có giá trị 40.000.000 đồng, 1 bộ bàn ăn có giá trị 15.000.000 đồng, 1 giường có giá trị 5.000.000 đồng, 1 tủ có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng trị giá 2.606.106.720 đồng.

Ông T có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản giá trị tài sản cho bà Thảo số tiền 1.042. 442.688 đồng là phù hợp.

Về nợ chung: Các đương sự xác định nợ của ông Nguyễn Công T1 số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình điều tra ông T1 không khởi kiện đôc lập. Do vậy cần tách ra để giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 28, Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Phương Th. Bà Phạm Thị Phương Th được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 2007 cho bà Phạm Thị Phương Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Nguyễn Công T2, sinh năm 2009 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Bà Phạm Thị Phương Th và ông Nguyễn Công T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn Công T thửa đất B43, tờ bản đồ độc lập, diện tích 98,1m^2 mang số 26 Phó Đức Chính, phường Thành Nhất, TP Buôn Ma Thuột, được văn phòng đăng ký đất đai TP Buôn Ma Thuột chỉnh lý biến động ngày 24/7/2009 mang tên ông Nguyễn Công T và bà Phạm Thị Phương Th, giá trị 1.900.000.000 đồng.

Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất B44 dài 16,35m.

Phía Tây giáp thửa đất B71 dài 6 m.

Phía Nam giáp thửa đất B42 dài 16,35m.

Phía Đông giáp đường Phó Đức Chính dài 6 m.

Tài sản trên đất bao gồm: 01 căn nhà xây 2 tầng diện tích 167,4 m^2 có giá trị 619.112.160 đồng, 1 sân lát gạch diện tích 14,4 m^2 có giá trị 1.785.600 đồng, tường rào 10,8m có giá trị 20.208.960 đồng, 1 bộ bàn ghế cẩm lai tay 9 có giá trị 40.000.000 đồng, 1 bộ bàn ăn có giá trị 15.000.000 đồng, 1 giường có giá trị 5.000.000 đồng, 1 tủ có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng trị giá 2.606.106.720 đồng.

Ông Nguyễn Công T có nghĩa vụ bù chênh lệch tài sản cho bà Th số tiền 1.042. 442.688 đồng.

Chấp nhận bà Phạm Thị Phương Th rút yêu cầu chia tài sản là thửa đất A1:15, tờ bản đồ số 00 diện tích đất 200m^2, tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Về nợ chung: Tách số nợ 100.000.000 đồng của ông Nguyễn Công T để giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí LHST được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007682 ngày 19/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột và 43.273.280 đồng tiền án phí chia tài sản, được khấu trừ số tiền 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007709 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Bà Phạm Thị Phương Th còn phải nộp 37.023.280 đồng.

Ông Nguyễn Công T phải chịu 58.909.920 đồng tiền án phí chia tài sản.

Bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định tại chỗ tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp chi phí ngày 24/10/2018 và ngày 1/11/2018.

Bà Nguyễn Thị Phương Th phải chịu số tiền 1.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định tại chỗ tại Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, được khấu trừ số tiền đã nộp chi phí ngày 9/5/2019. Ông Nguyễn Công T phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá, thẩm định tại chỗ. Hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Phương Th sau khi thu được của ông Nguyễn Công T.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS TP.BMT;*
- *UBND xã Tân Hòa, h.Buôn Đôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên